

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-PT
Ngày 06– 02– 2023
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 158/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bảo T, sinh năm 1994. Địa chỉ: số C, tổ C, ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn M thuộc Đoàn luật sư tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Hà Tiến X, sinh năm 1988. Địa chỉ: số A, tổ D, ấp A, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Bảo T trình bày:

Chị và anh Hà Tiến X kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/6/2017; hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Hà Tiến X nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Hà Tiến X, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh Hà Tiến X có 1 con chung: H, sinh ngày 26/10/2017 hiện đang sống với cha. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu M1, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Tiến X trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị Lê Thị Bảo T xin ly hôn, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh X đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Bảo T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Anh X và chị Lê Thị Bảo T có 1 con chung: H, sinh ngày 26/10/2017 hiện đang sống với anh X. Anh X yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu M1, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh X khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh X khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 158/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bảo T đối với bị đơn anh Hà Tiến X, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bảo T được ly hôn với anh Hà Tiến X.

- Về con chung: Buộc anh Hà Tiến X giao cháu Hà Huyền M2, sinh ngày 26/10/2017 cho chị Lê Thị Bảo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M2 đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh X được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bảo T và anh Hà Tiến X khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị Bảo T và anh Hà Tiến X khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/11/2022, bị đơn ông Hà Tiến X kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, cho ông được nuôi con chung là cháu Hà Huyền M2, sinh ngày 26/10/2017 .

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Hà Tiến X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chị Lê Thị Bảo T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng anh X thường xuyên chở cháu M2 đi chơi về tối, không đảm bảo việc chăm sóc cháu đầy đủ và chu đáo bằng chị T. Gia đình anh X cũng xác nhận việc anh đưa cháu M2 đi chơi về trễ làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của bé. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của anh X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 158/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn anh Hà Tiến X và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Ông Hà Tiến X kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Chị Lê Thị Bảo T và anh Hà Tiến X tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, chị T và anh X đều cho rằng chị và anh X bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù các bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả; nay anh chị xác định không còn tình cảm với nhau nên chị T yêu cầu được ly hôn; bị đơn anh X cũng đồng ý; anh chị cũng thống nhất về vấn đề nợ chung, tài sản chung không có nên không yêu cầu. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn với anh X. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh X không đồng ý về vấn đề con chung nên có kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của anh Hà Tiến X thấy rằng: Chị Lê Thị Bảo T và anh Hà Tiến X có 01 con chung: Hà Huyền M2, sinh ngày 26/10/2017 hiện đang sống với cha. Cả chị T và anh X đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Huyền M2, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh X không đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con vì anh cho rằng chị T là người yêu cầu giao con cho anh nuôi trước, nay chị T thay đổi ý kiến thì anh không đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh và được biết cháu M2 hiện không phải sống với anh X từ khi sinh ra cho đến nay. Trước đây cháu M2 sống chung với cả cha và mẹ ở bên ngoại, từ khi chị T nộp đơn ly hôn với anh X đến nay thì anh X mới đưa cháu M2 về nhà cậu ruột của anh X sinh sống cho đến nay.

Thấy rằng, đây cũng chỉ là nơi ở tạm thời, không đảm bảo được cuộc sống, sinh hoạt ổn định, lâu dài cho cháu M2. Trong khi chị T có nơi ở và công việc, thu nhập ổn định. Cháu M2 hiện đi học tại Trường mầm non C, gần nhà chị T. Ngoài ra, căn cứ vào biên bản xác minh đối với những người trong gia đình anh X cho biết: Đối với việc chăm sóc cháu M2 thì anh X có thực hiện, tuy nhiên anh X ngoài thời gian đi làm thì anh X thường ra ngoài chơi, những khi như vậy thì anh chở theo cháu M2 đến khuya mới về; cháu M2 còn nhỏ tuổi và lại còn là cháu gái nên sẽ không tốt cho sức khỏe cũng như sự an toàn của cháu. Như vậy, việc để cháu được chung sống với chị T cũng sẽ có nhiều thuận tiện hơn khi được mẹ chăm sóc, gần gũi. Do đó, việc giao cháu M2 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo hơn.

Từ những phân tích trên thấy rằng cần giao cháu Hà Huyền M2 cho chị Lê Thị Bảo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo sự phát triển tốt về mọi mặt cho cháu. Chị T cũng không yêu cầu anh X cấp dưỡng nên ghi nhận. Anh Hà Tiến X kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới có giá trị chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của anh nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Tiến X. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 158/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Hà Tiến X phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Hà Tiến X;

Giữ nguyên quyết định Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 158/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bảo T đối với bị đơn anh Hà Tiến X, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bảo T được ly hôn với anh Hà Tiến X.

- Về con chung: Buộc anh Hà Tiến X giao cháu Hà Huyền M2, sinh ngày 26/10/2017 cho chị Lê Thị Bảo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M2 đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh X được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bảo T và anh Hà Tiến X khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị Bảo T và anh Hà Tiến X khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

2.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Lê Thị Bảo T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008165 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

2.2. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Hà Tiến X phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011065 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Anh X đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lương